

Bản án số: 149/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 30-9-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Thành

2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 397/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trà Thị N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 6, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/6/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Bà Trà Thị N trình bày: bà và Ông T tổ chức cưới nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2002 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Long An. Trong thời gian vợ chồng chung sống thường xuyên xảy ra cãi vã do tính tình không hòa hợp, từ đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng nhiều, bà cũng cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không kết quả mà mâu thuẫn ngày càng lớn hơn, dẫn đến vợ chồng ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân Ông T cũng không có thiện chí hàn gắn với bà. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với Ông T, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông T.

Về con chung: bà và Ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/6/2002 đã thành niên và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 08/10/2010 đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Ngân, không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bà N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn Ông Nguyễn Như T, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa họp lệ nhưng Ông T không nộp văn bản nêu ý kiến và cũng không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với Ông T, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa họp lệ nhưng Ông T không đến tham dự phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt Bà N và Ông T.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông T là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Bà Trà Thị N và Ông Nguyễn Như T cưới nhau vào năm 2000, do tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 29/7/2002 tại UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo Bà N trình bày do trong quá trình chung sống tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, từ đó phát sinh mâu thuẫn ngày càng lớn dẫn đến ly thân. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau nên Bà N yêu cầu ly hôn với Ông T. Đối với Ông T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt họp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng Ông T vẫn không đến Tòa án để giải quyết cho thấy Ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà N.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa Bà N và Ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xử chấp nhận cho Bà N được ly hôn với Ông T.

[5]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Bà N và Ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/6/2002 đã thành niên và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 08/10/2010 đang sống với Bà N. Xét thấy cháu Ngân đang sống với Bà N ổn định và cũng có nguyện vọng muốn sống với Bà N, nên Bà N yêu cầu tiếp

tục được nuôi cháu Ngân là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà N về việc yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Ngân. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc thăm nom chăm sóc con được thực hiện theo điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”, Bà N tự nguyện không yêu cầu Ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Về chia tài sản chung Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung Bà N trình bày không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trà Thị N về việc ly hôn đối với Ông Nguyễn Như T.

Về hôn nhân: Bà Trà Thị N được ly hôn với Ông Nguyễn Như T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và Ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 24/6/2002 đã thành niên và Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 08/10/2010. Giao con chung Nguyễn Thị Thanh N cho Bà Trà Thị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, Ông Nguyễn Như T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về án phí: Bà Trà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0011848 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, Bà N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trang

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 9 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các hội thẩm nhân nhân:

1. Ông Phạm Văn Thành
2. Bà Trịnh Thị Kim Quyên

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 397/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trà Thị N, sinh năm 2003;
Địa chỉ: ấp Đông Nhất, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Như T, sinh năm 1999;
Địa chỉ: ấp Hòa Quới, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thảo luận các vấn đề sau :

1/ Về Điều luật áp dụng:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Kết quả thảo luận: 3/3 biểu quyết đồng ý.

2/ Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trà Thị N về việc ly hôn đối với Ông Nguyễn Như T.

Về hôn nhân: Bà Trà Thị N được ly hôn với Ông Nguyễn Như T.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Châu Thị Quỳnh Như, sinh ngày 16/5/2020 cho Bà Trà Thị N được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Như T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi

con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Kết quả thảo luận: 3/3 biểu quyết đồng ý.

3/ Về các vấn đề khác có liên quan:

Về án phí: Bà Trà Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010668 ngày 28/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An, Bà N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thanh Trịnh Thị Kim Quyên

Phạm Thị Thùy Trang